

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ*Chào giá cạnh tranh đầu tư thiết bị, phần mềm, gia hạn hỗ trợ CNTT năm 2026***Kính gửi: QUÝ CÔNG TY**

Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank) có nhu cầu trang bị thiết bị, phần mềm, gia hạn hỗ trợ CNTT 2026, hình thức lựa chọn đối tác theo phương thức chào giá cạnh tranh.

Nay Nam A Bank kính mời các Công ty có đủ năng lực, kinh nghiệm và điều kiện tham gia chào giá cạnh tranh theo các nội dung hướng dẫn cụ thể như sau:

I. Mô tả yêu cầu kỹ thuật :

- Danh mục thiết bị, phần mềm, gia hạn hỗ trợ CNTT: phụ lục chi tiết đính kèm.
- Cắm kết Chứng nhận chất lượng CQ tới Ngân hàng TMCP Nam Á ghi chú trong từng hạng mục (bắt buộc).
- Thư hỗ trợ của hãng ghi chú trong danh mục (bắt buộc)

II. Một số yêu cầu về Hồ sơ chào giá (HSCG):

- Hồ sơ chào giá phải được đóng gói trong phong bì dán kín, các giấy tờ trong Hồ sơ phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Công ty. Hồ sơ chào giá bao gồm 01 bản gốc và 01 bản sao.
- Hồ sơ chào giá bao gồm:
 - + Hồ sơ năng lực của Nhà cung cấp: Báo cáo tài chính 01 năm gần nhất, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đăng ký mã số thuế, Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm gần nhất.
 - + Bảng chào giá chi tiết.
- Đồng tiền trong hồ sơ chào giá: bằng đồng Việt Nam và báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 90 ngày.

III. Thời gian và địa điểm nhận Hồ sơ chào giá:

- Thời gian gửi Hồ sơ chào giá: trước 14 giờ 00 phút ngày 03/07/2026. Các Hồ sơ gửi sau thời gian nêu trên, Nam A Bank sẽ xem xét chấp nhận hoặc không chấp nhận tùy theo tình hình thực tế và phù hợp với quy định.
- Nơi nhận Hồ sơ: Phòng Quản Lý Hạ Tầng - Nam A Bank tại số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.

Nam A Bank kính mời Quý Công ty quan tâm nộp Hồ sơ chào giá theo thời gian và địa chỉ nêu trên.

Mọi vướng mắc trong quá trình lập Hồ sơ chào giá, Quý Công ty vui lòng liên hệ Ông Trương Hoàng Khanh – Phòng Quản lý hạ tầng (Điện thoại: 028 3929 6699 - Ext: 80331).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P.HCQT, P.QLHT.

**TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VĂN TUYÊN

PHỤ LỤC

Danh mục Thiết bị, phần mềm, giá hạn hỗ trợ CNTT 2026

Đính kèm Thông báo mời chào giá 18.60/2026/TB-NHNA-P.25 ngày 24 tháng 06 năm 2026

| STT | Hạng mục | Yêu cầu chi tiết | Số lượng | Đơn vị | Cam kết CQ tới Nam A Bank | Thư hỗ trợ hãng |
|-----|---------------------------------|---|----------|----------|---------------------------|-----------------|
| I | Phòng Quản lý Hạ tầng | | | | | |
| A | Hạng mục đầu tư mới | | | | | |
| 1 | Hệ thống server ứng dụng | <p>Model: PowerEdge R670 Server hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> CPU: 2 x Intel® Xeon® 6 Performance 6527P 3.0G, 24C/48T RAM: 1024 GB (RDIMM 6400MT/s, Dual Rank) RAID Controller: PERC H965i Controller, Front, DC-MHS Internal drives: 2 x 480GB SSD SATA Read Intensive 6Gbps 512e 2.5in Hot-plug AG Drive, 1 DWPD I/O adapter: <ul style="list-style-type: none"> - 1 x OCP 3.0 NIC (Broadcom 57414 Dual Port 25GbE SFP28) - 1 x PCIe NIC (Broadcom 57414 25GbE SFP28 Dual Port) - 1 x FC HBA (dual-port 64Gb) Power supply: Fully Redundant (1+1), 1500W, Titanium PSU Accessories: <ul style="list-style-type: none"> - PowerEdge 1U Standard Bezel for x8 and x10 Chassis - ReadyRails Sliding Rails With Cable Management Arm - 4 x 25GbE SFP28 SR transceiver Licensed software: <ul style="list-style-type: none"> - iDRAC10, Enterprise 17G - OpenManage Enterprise Advanced Warranty & Support: ProSupport with 4-Hour Onsite Service-ACDTS, 36 Month (s) | 8 | thiết bị | X | X |
| 2 | Nâng cấp RAM Hệ thống server DB | 256GB RAM (4 x 64GB DDR5) gắn vào Server Dell PowerEdge R760 (CPU 2 x Intel® Xeon® Gold 6526Y (2.8G, 16C/32T, 20GT/s)) | 3 | thiết bị | X | X |
| 3 | Hệ thống server CSDL 01 | <p>Model: PowerEdge R770 Server hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> CPU: 2 x Intel® Xeon® 6 Performance 6730P 2.5G, 32C/64T RAM: 256GB (RDIMM 6400Mt/s, Single Rank) RAID Controller: PERC H965i Controller, Front, DC-MHS Internal drives: 2 x 480GB SSD SATA Read Intensive 6Gbps 512e 2.5in Hot-plug AG Drive, 1 DWPD I/O adapter: <ul style="list-style-type: none"> - 03 x Dual-port 10/25Gb Ethernet card (kèm transceiver 25Gb SFP28 SR) - 1 x FC HBA (dual-port 64Gb) Power supply: Fully Redundant (1+1), 1100W PSU Accessories: <ul style="list-style-type: none"> - PowerEdge 2U Standard Bezel - ReadyRails Sliding Rails with Cable Management Arm - 4 x 25GbE SFP28 SR transceiver Licensed software: <ul style="list-style-type: none"> - iDRAC10, Enterprise 17G - OpenManage Enterprise Advanced Warranty & Support: ProSupport with 4-Hour Onsite Service-ACDTS, 36 Month (s) | 2 | thiết bị | X | X |

| | | | | | | |
|----------|---------------------------------------|---|---|----------|---|---|
| 4 | Hệ thống Storage Hitachi mở rộng | Nâng cấp Hệ thống storage Hitachi: - Mở rộng storage VSP One B26 thêm 171TB - Mở rộng transceiver và license cho 2 thiết bị San Switch Brocade 720: Tăng thêm mỗi thiết bị 24 port | 1 | gói | X | X |
| 5 | Hệ thống server CSDL 02 | Model: PowerEdge R770 Server hoặc tương đương • CPU: 2 x Intel® Xeon® 6 Performance 6730P 2.5G, 32C/64T • RAM: 256GB (RDIMM 6400Mt/s, Single Rank) • RAID Controller: PERC H965i Controller, Front, DC-MHS • Internal drives: 2 x 480GB SSD SATA Read Intensive 6Gbps 512e 2.5in Hot-plug AG Drive, 1 DWPD • I/O adapter: - 03 x Dual-port 10/25Gb Ethernet card (kèm transceiver 25Gb SFP28 SR) - 1 x FC HBA (dual-port 64Gb) • Power supply: Fully Redundant (1+1), 1100W PSU • Accessories: - PowerEdge 2U Standard Bezel - ReadyRails Sliding Rails with Cable Management Arm - 4 x 25GbE SFP28 SR transceiver • Licensed software: - iDRAC10, Enterprise 17G - OpenManage Enterprise Advanced • Warranty & Support: ProSupport with 4-Hour Onsite Service-ACDTS, 36 Month (s) | 2 | thiết bị | X | X |
| 6 | HSM Thales cho hệ thống Thẻ | Hệ thống HSM Payments cho hệ thống Thẻ: - 1 x payShield 10K Classic 60cps 1 Year Enhanced - 1 x ProtectServer 3 Network HSM PL220 1 Year - Dịch vụ PS: Lắp đặt & định cấu hình cho 01 thiết bị, chuyển đổi key từ thiết bị cũ qua thiết bị mới. | 1 | Gói | X | X |
| 7 | Router Cisco | Thiết bị router Cisco: 03 x (Cisco Catalyst C8300-1N1S-6T Router + C-NIM-8T + Subscription DNA advance 1Gbps) Service và support 3 years 02 x nguồn Cisco switch 9200 partID PWR-C5-125WAC | 1 | Gói | X | X |
| 8 | Juniper | Thiết bị Juniper: 02 x Leaf Switch QFX5120-48T-AFO + 8 transceiver QFX-QSFP-40G-SR4 03 x Leaf Switch QFX5120-48Y-AFO2 + 12 transceiver QSFP-100G-SR4-C Toàn hệ thống cần: + 96 module quang 25Gbps : SFP-25G-SR-C + 10 module quang 10Gbps: SFP-10G-SR dự phòng (cho kết nối đến Firewall mới nếu cần) 5 subscription SDN Apstra Advance cho 5 leaf bên trên Service, subscription, support 3 years | 1 | Gói | X | X |
| 9 | Fortinet | Thiết bị Fortinet: 94 x Fortigate 61G thay thế 94 thiết bị Fortigate 50/51E tại ĐVKD Dịch vụ premium care 3 years | 1 | Gói | X | X |
| B | Hạng mục gia hạn hỗ trợ | | | | | |
| 1 | Dịch vụ bảo hành thiết bị Exadata X9M | Dịch vụ chính hãng hoặc nhà cung cấp dịch vụ: Bảo hành 01 năm cho thiết bị X9M với chi tiết sau: - 4 x 32-Cores CPU (128 Cores) - 2TB RAM - 18 x 18TB 7,200 RPM disks (324 TB Raw Capacity ~ Usable 96.2 TB) - 38.4 TB Flash - 2.3TB Persistent Memory - 18 x Exadata Storage Server Software - Disk Drive Perpetual CSI number: 27546982 CSI number: 27546004 CSI number: 27787631 | 1 | Gói | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|-----|--|--|
| 2 | Dịch vụ bảo hành thiết bị Zero data loss prevention | Dịch vụ chính hãng: Bảo hành 01 năm cho thiết bị Zero Data Loss Recovery Appliance RA23: model family với chi tiết sau: - Flash: 2 x NVMe SSD - 2 x Dual Port 100 Gb Ethernet QSFP28 adapter. - 2 x Dual Port 10/25 Gb Ethernet SFP28 adapter. - 1 x Quad Port 10 Gb Ethernet RJ45. - 1 x Dual Port 16 Gb or 32 Gb Fibre Channel PCIe HBA with 2 transceivers - 1 x ILOM Ethernet port. - Disk: 12 x 22 TB 7200 RPM disk - Flash: 2 x NVMe Flash Acceleration Cards - 2 x 100 Gb QSFP28 RoCE Fabric port - 1 x 1 Gb Ethernet port (RJ45, ILOM) - 8 x 10/25 GbE Dual Rate SFP28 Short Range (SR) Transceiver - 12 x 10 meters, LC-LC, OM4 cable - 3 Storage Server x12 Disk Drive per Server CSI number: 91223994 CSI number: 97762621 | 1 | Gói | | |
| 3 | Deep Security | Gia hạn bản quyền thuê bao phần mềm TrendMicro Deep Security - Enterprise Software Annual Subscription (Pre-paid) - per server (VM) or cloud workload cho 200 máy chủ, thời hạn sử dụng 12 tháng | 1 | Gói | | |
| 4 | CyberArk | Gia hạn bản quyền thuê bao phần mềm CyberArk (PAM): cho 25 user, thời hạn sử dụng 12 tháng Credential Protection; Session Isolation; Recording; Detection; Remote VPN-less Access; Adaptive MFA and risk-based Authentication; Adaptive Application Access; For IT users | 1 | Gói | | |
| 5 | Imperva | Gia hạn bản quyền thuê bao phần mềm Virtual Appliance Imperva DBF V2500 - thời hạn sử dụng 12 tháng: - 2 x VM150 Management Server Virtual Appliance, Annual Enhanced Subscription - 2 x V2500 Database Firewall Virtual Appliance, Annual Enhanced Subscription | 1 | Gói | | |
| 6 | Fortinet | Dịch vụ bảo hành chính hãng 01 năm cho các thiết bị Fortinet sau: - FortiMail [400F] - S/N: FE400FT919000437 - 04 x Fortigate 601E - S/N: FG6H1ETB20902331; FG6H1ETB22904601; FG6H1ETB21900226; FG6H1ETB22904474 - 02 Fortiswitch 424E - S/N: S424ENTF23002393; S424ENTF23001827 - FTG 401E VPN - S/N: FG4H1ETB22901013 - 02 FTG 100E - S/N: FG100ETK19031035;FG100ETK19031051 (báo giá riêng từng mục) | 1 | Gói | | |

| | | | | | |
|-----|------------------------------------|---|---|-----|---|
| 6.1 | Fortinet tại Đơn vị kinh doanh | <p>273 FTG 60,61F, 80F tại Đơn vị kinh doanh</p> <p>FGT60ETK20067434; FGT60ETK20052369; FGT60ETK20065906; FGT60ETK20043679; FGT60ETK20059179; FGT60ETK20058902; FGT60ETK20059351; FGT60ETK20059163; FGT60ETK20059659; FGT60ETK20058839; FGT60ETK20059369; FGT60ETK20057965; FGT60ETK20058730; FGT61ETK20017849; FGT61ETK20002943; FGT61ETK21000660; FGT61ETK20004234; FGT61ETK20018593; FGT61ETK20004303; FGT61ETK21000680; FGT61ETK20017852; FGT61ETK20018354; FGT61ETK21000942; FGT61ETK20010053; FGT61ETK20018706; FGT61ETK20018362; FGT61ETK20010350; FGT61ETK21000920; FGT61ETK20017844; FGT61ETK21000890; FGT61ETK20017845; FGT61ETK20017848; FGT61ETK21000953; FGT61ETK20008318; FGT61ETK21000046; FGT61ETK21000188; FGT61ETK20009344; FGT61ETK21000474; FGT61ETK21000356; FGT61ETK20009619; FGT61ETK20009223; FGT61ETK20010106; FGT61ETK20018817; FGT61ETK21000206; FGT61ETK20018828; FGT61ETK21000036; FGT61ETK21000407; FGT61ETK21000325; FGT61ETK20018784; FGT61ETK20018805; FGT61ETK21000438; FGT61ETK20006614; FGT61ETK21000452; FGT61ETK20018800; FGT61ETK21000309; FGT61ETK20018720; FGT61ETK21000295; FGT61ETK21000031; FGT61ETK21000227; FGT61ETK21000478; FGT61ETK21000326; FGT61ETK23017835; FGT61ETK22009340; FGT61ETK23004277; FGT61ETK23015911; FGT61ETK22060727; FGT61ETK23018368; FGT61ETK22058294; FGT61ETK23016507; FGT61ETK23017546; FGT61ETK23004721; FGT61ETK22076157; FGT61ETK22079202; FGT61ETK23018848; FGT61ETK23018246; FGT61ETK23004320; FGT61ETK23018709; FGT61ETK23017024; FGT61ETK23015850; FGT61ETK23015713; FGT61ETK22079265; FGT61ETK23004629; FGT61ETK22078469; FGT61ETK23019285; FGT61ETK22073128; FGT61ETK22052075; FGT61ETK22051280; FGT61ETK23004735; FGT61ETK22075404; FGT61ETK22029811; FGT61ETK23015966; FGT61ETK23015684; FGT61ETK22078700; FGT61ETK21020956; FGT61ETK21020555; FGT61ETK21021103; FGT61ETK21020545; FGT61ETK22081491; FGT61ETK22009293; FGT61ETK22073250; FGT61ETK23017823; FGT61ETK23015056; FGT61ETK22029833; FGT61ETK22045208; FGT61ETK22045189; FGT61ETK22044616; FGT61ETK22029840; FGT61ETK22044403; FGT61ETK22044503; FGT61ETK22044799; FGT61ETK22016437; FGT61ETK22044701; FGT61ETK22061528; FGT61ETK22075120; FGT61ETK22045081; FGT61ETK22044779; FGT61ETK22029685; FGT61ETK22016248; FGT61ETK21021362; FGT61ETK21020918; FGT61ETK21020642; FGT61ETK21020733; FGT61ETK21020677; FGT61ETK22044322; FGT61ETK22051993; FGT61ETK22029732; FGT61ETK22051431; FGT61ETK22045187; FGT61ETK22062090; FGT61ETK22051313; FGT61ETK22051805; FGT61ETK23018256; FGT61ETK22080740; FGT61ETK22073688; FGT61ETK22076338; FGT61ETK22068240; FGT61ETK22081111; FGT61ETK20030935; FGT61ETK22044287; FGT61ETK22045052; FGT61ETK22029665; FGT61ETK22044376; FGT61ETK22016444; FGT61ETK22016308; FGT61ETK22016320; FGT61ETK22045188; FGT61ETK22044700; FGT61ETK21021338; FGT61ETK21021351; FGT61ETK21021077; FGT61ETK21021252; FGT61ETK21020401; FGT61ETK21020495; FGT61ETK21000017; FGT61ETK22044732; FGT61ETK22029924; FGT61ETK22082207; FGT61ETK20030482; FGT61ETK22051834; FGT61ETK20028950; FGT61ETK22029688; FGT61ETK22044696; FGT61ETK22044375; FGT61ETK22044434; FGT61ETK22076807; FGT61ETK22076893; FGT61ETK22044225; FGT61ETK22029961; FGT61ETK22029753; FGT61ETK22051416; FGT61ETK22044583; FGT61ETK22015839; FGT61ETK25004747; FGT61ETK23021685; FGT61ETK22044648; FGT61ETK25006319; FGT61ETK22045206; FGT61ETK22044301; FGT61ETK22044282; FGT61ETK22058457; FGT61ETK22065953; FGT61ETK22067266; FGT61ETK22045043; FGT61ETK22029981; FGT61ETK22044546; FGT61ETK22045068; FGT61ETK22044381; FGT61ETK22029514; FGT61ETK22029736; FGT61ETK22044124; FGT61ETK22029876; FGT61ETK22044478; FGT61ETK22066976; FGT61ETK22069708; FGT61ETK22045016; FGT61ETK22044860; FGT61ETK22029971; FGT61ETK22044386; FGT61ETK22060657; FGT61ETK22060980; FGT61ETK22044437; FGT61ETK22029841; FGT61ETK22029962; FGT61ETK22044834; FGT61ETK22067446; FGT61ETK22073868; FGT61ETK22029513; FGT61ETK22044562; FGT61ETK21020936; FGT61ETK21021355; FGT61ETK21021042; FGT61ETK21021235; FGT61ETK25005658; FGT61ETK25006558; FGT61ETK21021079; FGT61ETK21020709; FGT61ETK21021168; FGT61ETK21020877; FGT61ETK21020502; FGT61ETK21020787; FGT61ETK25006537; FGT61ETK25006726; FGT61ETK25006298; FGT61ETK25006213; FGT61ETK23022199; FGT61ETK23022352; FGT61ETK21021047; FGT61ETK21020479; FGT61ETK21021314; FGT61ETK21021391; FGT61ETK21020964; FGT61ETK21020721; FGT61ETK21020911; FGT61ETK21020852; FGT61ETK25006205; FGT61ETK21020813; FGT61ETK22081436; FGT61ETK25006573; FGT61ETK25006409; FGT61ETK25006293; FGT61ETK25006918; FGT61ETK25006164; FGT61ETK25006291; FGT61ETK25005537; FGT61ETK25006219; FGT61ETK25006208; FGT61ETK21021052; FGT61ETK21021066; FGT61ETK21020431; FGT61ETK21021268; FGT61ETK21020451; FGT61ETK25006134; FGT61ETK25005989; FGT61ETK25006641; FGT61ETK25006596; FGT61ETK21020492; FGT61ETK21020803; FGT61ETK21020505; FGT61ETK21021060; FGT61ETK25006311; FGT61ETK25006845; FGT61ETK25006160; FGT61ETK25006506; FGT61ETK25006353; FGT61ETK23026165; FGT61ETK21020620; FGT61ETK21021431; FGT61ETK23026600; FGT61ETK25004725; FGT80FTK21048145; FGT80FTK21047609; FGT80FTK21048557; FGT80FTK21048749;</p> | 1 | Gói | |
| 7 | Thiết bị server, storage, NW | <p>Dịch vụ bảo hành của nhà cung cấp dịch vụ - 01 năm cho các thiết bị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 02 Core switch Cisco 6807 - S/N: FGE2120227B; SMC1851006H - 02 thiết bị SAN Switch MDS 9148S - S/N: JPG223500VK; JPG223700Q9 - Hitachi G700 tại DR - S/N: 417697 - HP Chassic C7000 - S/N: SGH733V1E4 - 05 server HPE Proliant BL460c G10 - S/N: SGH028T4FB; SGH028T4FD; SGH028T4F8; SGH028T4F0; SGH028T4F2 - 04 server HPE Proliant BL 660c G9 - S/N: SGH732T028; SGH732T02K; SGH732T02P; SGH732T02A - HPE Synergy chassic , 10 thiết bị Synergy 480 Gen10 - S/N chassic:SGH028T4CP; S/N server: SGH028TG7X; SGH028TG83; SGH028TG8H; SGH028TG8C; SGH028TG8F; SGH028TG87; SGH028TG7Z; SGH028TG85; SGH028TG89; SGH028TG81 | 1 | Gói | |
| 8 | Knox | <p>Gia hạn bản quyền chính hãng Samsung Knox - thời hạn sử dụng 12 tháng</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1468 Bản quyền Knox Suite Essential | 1 | Gói | |
| C | Bản quyền phần mềm Oracle và Exacc | <p>Yêu cầu chào giá cho kỳ hạn 05 năm, theo chi tiết từng năm như sau cho các hạng mục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ điện toán đám mây Oracle Exacc - Bản quyền phần mềm Oracle Database - Bản quyền phần mềm Oracle Weblogic Suite <p>Yêu cầu giá chào cho kỳ hạn 05 năm, thanh toán và ký hợp đồng từng năm.</p> | | | X |

| | | | | | | |
|---|--------------|--|---|-----|--|--|
| 1 | Năm thứ nhất | <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ điện toán đám mây Oracle Exacc: 86 cores - Oracle Database Exadata Cloud–Database - Bản quyền phần mềm Oracle Database và 1 năm dịch vụ bảo hành: 30 cores - Database License + Database Enterprise Edition + Real Application Clusters + Partitioning + Diagnostics Pack + Tuning Pack + Active Data Guard + Advanced Security - Bản quyền phần mềm Oracle Weblogic Suite và 1 năm bảo hành: 36 cores | 1 | Gói | | |
| 2 | Năm thứ hai | <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ điện toán đám mây Oracle Exacc: 102 cores - Oracle Database Exadata Cloud–Database - Chi phí thuê thiết bị Exacc mới năm thứ 1: ExaCC X11M (Total 380 Cores, 2780GB RAM, 240TB Storage) - Bản quyền phần mềm Oracle Database và 1 năm dịch vụ bảo hành: 28 cores - Database License + Database Enterprise Edition + Real Application Clusters + Partitioning + Diagnostics Pack + Tuning Pack + Active Data Guard + Advanced Security - Bản quyền phần mềm Oracle Weblogic Suite và 1 năm bảo hành: 28 cores | 1 | Gói | | |
| 3 | Năm thứ ba | <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ điện toán đám mây Oracle Exacc: 122 cores - Oracle Database Exadata Cloud–Database - Chi phí thuê thiết bị Exacc mới năm thứ 2: ExaCC X11M (Total 380 Cores, 2780GB RAM, 240TB Storage) - Bản quyền phần mềm Oracle Database và 1 năm dịch vụ bảo hành: 24 cores - Database License + Database Enterprise Edition + Real Application Clusters + Partitioning + Diagnostics Pack + Tuning Pack + Active Data Guard + Advanced Security - Bản quyền phần mềm Oracle Weblogic Suite và 1 năm bảo hành: 24 cores | 1 | Gói | | |
| 4 | Năm thứ tư | <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ điện toán đám mây Oracle Exacc: 146 cores - Oracle Database Exadata Cloud–Database - Chi phí thuê thiết bị Exacc mới năm thứ 3: ExaCC X11M (Total 380 Cores, 2780GB RAM, 240TB Storage) - Bản quyền phần mềm Oracle Database và 1 năm dịch vụ bảo hành: 20 cores - Database License + Database Enterprise Edition + Real Application Clusters + Partitioning + Diagnostics Pack + Tuning Pack + Active Data Guard + Advanced Security - Bản quyền phần mềm Oracle Weblogic Suite và 1 năm bảo hành: 20 cores | 1 | Gói | | |

| | | | | | | |
|----------------------------------|---------------------|--|---|----------|---|---|
| 5 | Năm thứ năm | <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ điện toán đám mây Oracle Exacc: 176 cores - Oracle Database Exadata Cloud-Database - Chi phí thuê thiết bị Exacc mới năm thứ 4: ExaCC X11M (Total 380 Cores, 2780GB RAM, 240TB Storage) - Bản quyền phần mềm Oracle Database và 1 năm dịch vụ bảo hành: 12 cores - Database License <ul style="list-style-type: none"> + Database Enterprise Edition + Real Application Clusters + Partitioning + Diagnostics Pack + Tuning Pack + Active Data Guard + Advanced Security - Bản quyền phần mềm Oracle Weblogic Suite và 1 năm bảo hành: 12 cores | 1 | Gói | | |
| II Phòng Phòng PTUD/QLDV | | | | | | |
| A Hạng mục đầu tư mới | | | | | | |
| 1 | API Connect | <ul style="list-style-type: none"> - Bản quyền phần mềm IBM Cloud Pak for Integration Virtual Processor Core License + SW Subscription & Support 15 Months: số lượng 12 - Dịch vụ triển khai phần mềm IBM API Connect: <ul style="list-style-type: none"> + Sizing & Design + Installation & Configuration + Development + SIT & UAT Deployment + Golive (PROD) Deployment + Post-Golive Support (optional) | 1 | Gói | | X |
| 2 | Server GPU | <p>Model: PowerEdge R770 Server hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> • CPU: 2 x Intel® Xeon® 6 Performance 6520P 2.4G, 24C/48T • RAM: 16 x 16GB RDIMM 6400Mt/s, Single Rank • RAID Controller: PERC H965i Controller, Front, DC-MHS • Internal drives: <ul style="list-style-type: none"> - 4 x 3.84TB SSD SATA Read Intensive 6Gbps 512e 2.5in Hot-plug AG Drive, 1 DWPD - 1 x BOSS-N1 controller card + with 2 M.2 960GB (RAID 1) (22x80) Rear (RAID 1) • GPU: 1 x NVIDIA RTX PRO 6000 BSE 96GB PCIe, 450W for Rack Servers, 600W for XE Servers, DW Full Height GPU • I/O adapter: 1 x OCP 3.0 NIC (Broadcom 57414 Dual Port 25GbE SFP28) • Power supply: Fully Redundant (1+1), 2400W, Titanium PSU • Accessories: <ul style="list-style-type: none"> - PowerEdge 2U Standard Bezel - ReadyRails Sliding Rails with Cable Management Arm - 2 x 25GbE SFP28 SR transceiver • Licensed software: <ul style="list-style-type: none"> - iDRAC10, Enterprise 17G - OpenManage Enterprise Advanced • Warranty & Support: ProSupport with 4-Hour Onsite Service-ACDTS, 36 Month (s) | 1 | thiết bị | X | X |
| B Hạng mục gia hạn hỗ trợ | | | | | | |
| 1 | Fortify | <p>Gia hạn bản quyền thuê bao phần mềm đánh giá điểm yếu An ninh ứng dụng dạng tĩnh Fortify (SAST) cho 10 Developer, thời hạn sử dụng 12 tháng</p> <p>Security Fortify Static Code Analyzer Flexible Deployment Plan for one Named Contributing Developer Subscription SW E-LTU, 12 months</p> | 1 | Gói | | |
| 2 | IBM cloud pak (ESB) | <p>Gia hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật phần mềm ESB IBM cloudpak:</p> <p>- IBM Cloud Pak for Integration Virtual Processor Core Annual SW Subscription & Support Renewal 12 Months: số lượng 12</p> | 1 | Gói | | |
| III Phòng ANTT | | | | | | |
| A Hạng mục đầu tư mới | | | | | | |

h
x

| | | | | | | |
|---|---------------------------|--|---|----------|---|---|
| 1 | Máy chủ giám sát Internet | <p>Model: PowerEdge R670 Server</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chassis Configuration: 2.5" Chassis with up to 8 Universal Drives, Smart Flow (H965i) • CPU: 2 x Intel® Xeon® 6 Performance 6520P 2.4G, 24C/48T • RAM: 8 x 32GB RDIMM, 6400MT/s, Dual Rank • RAID Controller: PERC H965i Controller, Front, DC-MHS • Internal drives: <ul style="list-style-type: none"> - 2 x 1.2TB Hard Drive ISE SAS 12Gbps 10k 512n 2.5in Hot-Plug - 4 x 3.84TB Enterprise NVMe Read Intensive AG Drive U.2 with carrier • I/O adapter: 1 x Broadcom 57504 Quad Port 10/25GbE, SFP28, OCP 3.0 NIC • Power supply: Fully Redundant (1+1), 1100W PSU • Accessories: <ul style="list-style-type: none"> - PowerEdge 1U Standard Bezel - ReadyRails Sliding Rails with Cable Management Arm - 4 x 25GbE SFP28 SR transceiver • Licensed software: <ul style="list-style-type: none"> - iDRAC10, Enterprise 17G - OpenManage Enterprise Advanced • Warranty & Support: ProSupport and Next Business Day Onsite Service-ACDTS, 36 Month (s) | 1 | thiết bị | | |
| 2 | Máy chủ giám sát end-user | <p>Model: PowerEdge R770 Server hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chassis Configuration: 2.5" Chassis with up to 24 Drives (16 SAS4/SATA + 8 NVMe HW RAID), Dual PERC 12 (2x H965i) • CPU: 2 x Intel® Xeon® 6 Performance 6520P 2.4G, 24C/48T • RAM: 16 x 32GB RDIMM, 6400MT/s, Dual Rank • RAID Controller: PERC H965i Controller, Front, DC-MHS • Internal drives: <ul style="list-style-type: none"> - 2 x 3.84TB SSD SATA Read Intensive 6Gbps 512e 2.5in Hot-plug AG Drive, 1 DWPD - 8 x 7.68TB Data Center NVMe Read Intensive AG Drive U2 with carrier • I/O adapter: 1 x Broadcom 57504 Quad Port 10/25GbE, SFP28, OCP 3.0 NIC • Power supply: Fully Redundant (1+1), 1100W PSU • Accessories: <ul style="list-style-type: none"> - PowerEdge 2U Standard Bezel - ReadyRails Sliding Rails with Cable Management Arm - 4 x 10GbE SFP+ SR transceiver • Licensed software: <ul style="list-style-type: none"> - iDRAC10, Enterprise 17G - OpenManage Enterprise Advanced • Warranty & Support: ProSupport and Next Business Day Onsite Service-ACDTS, 36 Month (s) | 1 | thiết bị | X | X |

| | | | | | | |
|----------------------------------|-----------------------------|--|---|----------|---|---|
| 3 | Máy chủ SIEM | <p>Model: PowerEdge R770 Server hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chassis Configuration: 2.5" Chassis with up to 24 Drives (16 SAS4/SATA + 8 NVMe HW RAID), Dual PERC 12 (2x H965i) • CPU: 2 x Intel® Xeon® 6 Performance 6520P 2.4G, 24C/48T • RAM: 8 x 32GB RDIMM, 6400MT/s, Dual Rank • RAID Controller: PERC H965i Controller, Front, DC-MHS • Internal drives: <ul style="list-style-type: none"> - 2 x 3.84TB SSD SATA Read Intensive 6Gbps 512e 2.5in Hot-plug AG Drive, 1 DWPD - 8 x 7.68TB Data Center NVMe Read Intensive AG Drive U2 with carrier • I/O adapter: 1 x Broadcom 57504 Quad Port 10/25GbE, SFP28, OCP 3.0 NIC • Power supply: Fully Redundant (1+1), 1100W PSU • Accessories: <ul style="list-style-type: none"> - PowerEdge 2U Standard Bezel - ReadyRails Sliding Rails with Cable Management Arm - 4 x 10GbE SFP+ SR transceiver • Licensed software: <ul style="list-style-type: none"> - iDRAC10, Enterprise 17G - OpenManage Enterprise Advanced • Warranty & Support: ProSupport and Next Business Day Onsite Service-ACDTS, 36 Month (s) | 2 | thiết bị | X | X |
| 4 | Máy chủ giám sát sử dụng AI | <p>Model: PowerEdge R770 Server hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chassis Configuration: 2.5" Chassis with up to 8 NVMe HWRAID Drives, Front PERC 12 (H965i) • CPU: 2 x Intel® Xeon® 6 Performance 6520P 2.4G, 24C/48T • RAM: 8 x 32GB RDIMM 6400Mt/s, Dual Rank • RAID Controller: PERC H965i Controller, Front, DC-MHS • Internal drives: <ul style="list-style-type: none"> - 2 x 1.6TB Data Center NVMe Mixed Use AG Drive U2 with carrier • GPU: 1 x NVIDIA RTX PRO 6000 BSE 96GB PCIe, 450W for Rack Servers, 600W for XE Servers, DW Full Height GPU • I/O adapter: 1 x OCP 3.0 NIC (Broadcom 57414 Dual Port 25GbE SFP28) • Power supply: Fully Redundant (1+1), 2400W, Titanium PSU • Accessories: <ul style="list-style-type: none"> - PowerEdge 2U Standard Bezel - ReadyRails Sliding Rails with Cable Management Arm - 2 x 25GbE SFP28 SR transceiver • Licensed software: <ul style="list-style-type: none"> - iDRAC10, Enterprise 17G - OpenManage Enterprise Advanced • Warranty & Support: ProSupport and Next Business Day Onsite Service-ACDTS, 36 Month (s) | 2 | thiết bị | X | X |
| 5 | Cisco Secure Firewall 1230 | Secure Firewall 1230 4 thiết bị (mỗi thiết bị 4 module 10Gbps SR) SKU: CSF1230-ASA-K9 Service, support 3Y | 1 | Gói | X | X |
| B Hạng mục gia hạn hỗ trợ | | | | | | |
| 1 | Trellix IVX 5600 | Gia hạn dịch vụ hỗ trợ phần mềm: - MVX5600YCM-AT - Dịch vụ hỗ trợ cập nhật phần mềm 5600 IVX Ent Appl SW 1yr TE(T) - MVX5600D2WGXEAT - Phần mềm 5600 IVX Ent Appl DTI 2W 1:1TE(T) | 1 | Gói | | |
| 2 | CheckPoint 1900 | Dịch vụ bảo hành, cập nhật phần mềm và hỗ trợ kỹ thuật chính hãng (bao gồm IPS) 01 năm cho 4 thiết bị CheckPoint 1900 S/N: BA25600848; BA25600859; BA25600893; BA25600910 | 1 | Gói | | |
| 3 | CheckPoint 9800 | Dịch vụ bảo hành, cập nhật phần mềm và hỗ trợ kỹ thuật chính hãng (bao gồm license NGTP) 01 năm cho 2 thiết bị CheckPoint 9800 S/N: 2410BA6835; 2410BA6744 | 1 | Gói | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|-----|--|--|
| 4 | Dịch vụ gia hạn hỗ trợ và bảo hành cho MFE Web Gateway | Dịch vụ hỗ trợ và cập nhật phần mềm MFE Web Gateway: - WSGYCM-AA - Dịch vụ hỗ trợ và cập nhật phần mềm Skyhigh SWG SW 1Yr BZ: số lượng 501 - GAMECE-AA - Phần mềm Skyhigh SWG SW Anti Malw AddOn 1:1BZ: số lượng 501 | 1 | Gói | | |
| 5 | Dịch vụ cập nhật phần mềm thiết bị CHECKPOINT 6200 | Dịch vụ hỗ trợ phần mềm Collaborative Enterprise Support - Premium (cho sản phẩm CPSM-NGSM5 (01457A76578F)) | 1 | Gói | | |
| 6 | Dịch vụ phát hiện và ngăn chặn tấn công từ chối dịch vụ tràn băng thông | - Dịch vụ kênh truyền Viettel tốc độ Quốc tế: 10Mbps, Trong nước: 500Mbps - 1 Năm - Dịch vụ phát hiện và ngăn chặn tấn công từ chối dịch vụ tràn băng thông (Volume Based) - DDM1G. Băng thông bảo vệ chống tấn công trên đường truyền Viettel tối đa 1Gbps. Số lượng IP tối đa: 8 IP. Thời gian dịch vụ: 1 năm | 1 | Gói | | |